| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN G**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **31**/2021/DS-ST
Ngày: 17/5/2021
V/v tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Bích Thiền

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Hà

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Ngọc Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST - DS ngày 14 tháng 01 năm 2019, về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Ngọc L, sinh năm 1962.
Địa chỉ: đường Đ, khu phố B, phường L, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện ủy quyền: Phạm Duy M, sinh năm 1976. *(có mặt)*
Địa chỉ: đường N, khu phố M, phường H, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Trần Thị T (Đ), sinh năm 1974. *(có mặt)*
Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện ủy quyền: Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1959. *(có mặt)*
Địa chỉ: đường PT, phường N, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Mai Quốc T1, sinh năm 1972. *(có mặt)*
Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện ủy quyền: Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1959. *(có mặt)*
Địa chỉ: đường PT, phường N, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.
4. Người làm chứng:
- Phạm Nguyễn H, sinh năm 1983. *(vắng mặt)*
Địa chỉ: khu phố B, phường M, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
- Lê Văn C, sinh năm 1961. *(có mặt)*
- Lê Trần Minh Q, sinh năm 1989. *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: đường Đ, khu phố B, phường L, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Tại đơn khởi kiện ngày 10/01/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Ngọc L và đại diện ủy quyền là anh Phạm Duy M trình bày:***

Chị T có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 15/12/2017 (âm lịch) do bà L làm chủ thảo, hụi 1/2 tháng khui 01 lần và gồm có 20 phần, chị T tham gia 6 phần và đã hốt 6 phần hụi ngay kỳ đầu tiên với số tiền là 460.800.000 đồng (((4.200.000 đồng/phần x 19 kỳ hụi sống) - 3.000.000 đồng (hoa hồng cho thảo)) x 6 phần). Bà L đã giao đủ số tiền hụi này cho chị T tại cửa hàng vật liệu xây dựng MP của chị T ngụ xã Y, huyện G1 ngay ngày 15/12/2017 (âm lịch). Khi đó, chị T lấy hóa đơn của cửa hàng đưa cho bà L viết nội dung giao hụi và hai bên ký tên.

Sau khi hốt hụi, chị T chỉ đóng lại cho bà L 3 kỳ hụi chết, mỗi kỳ là 30.000.000 đồng vào ngày 30/12/2017 (âm lịch), ngày 15/01/2018 (âm lịch) và ngày 30/01/2018 (âm lịch) với tổng số tiền là 90.000.000 đồng rồi ngưng cho đến nay. Để duy trì dây hụi và đảm bảo uy tín với những hụi viên khác, bà L đã đóng hụi thay cho chị T từ kỳ hụi thứ năm (tức là ngày 15/02/2018 (âm lịch)) cho đến khi mãn hụi vào ngày 30/9/2018 (âm lịch) tổng cộng 16 kỳ với số tiền là 480.000.000 đồng ((5.000.000 đồng/phần x 6 phần) x 16 kỳ). Do anh T1 - chồng chị T là người trực tiếp đóng 03 kỳ hụi chết của dây hụi này cho bà L nên anh T1 cũng biết chị T chơi hụi và đã hốt hụi; hơn nữa vợ chồng chị T làm ăn chung và anh T1 là người quản lý tiền nên bà L khởi kiện yêu cầu chị T cùng chồng là anh T1 có nghĩa vụ liên đới trả lại bà số tiền nợ hụi là 480.000.000 đồng 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Về chi phí giám định: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn trình bày:***

- *Tại bản tự khai ngày 12/02/2019, chị T trình bày:* Chị tham gia hụi do bà L làm thảo đã nhiều năm, khi chị trả tiền xong thì bà L dùng chữ ký trong biên nhận khi giao hụi cho chị trong những dây hụi trước đó để tạo nên khoản nợ phi lý nhằm chiếm đoạt tài sản của chị. Đối với số tiền nợ hụi 480.000.000 đồng mà bà L kiện đòi chị là không đúng. Nếu có chữ ký của chị trong biên nhận còn nợ số tiền 480.000.000 đồng thì chị đồng ý trả, ngược lại bà L vu khống chị thì phải đền bù danh dự cho chị gấp đôi số tiền này. Hiện bà L còn nợ chị số tiền 160.000.000 đồng, do hàng tháng chị phải đóng cho bà L 02 phần hụi chết là 20.000.000 đồng nhưng bà L thu của chị 30.000.000 đồng là đã gian lận tiền hụi của chị mỗi kỳ là 10.000.000 đồng và chị đã đóng cho bà L tổng cộng là 16 kỳ, như vậy số tiền mà bà L đã chiếm đoạt của chị là 160.000.000 đồng.

- *Tại biên bản lấy lời khai cùng ngày 12/02/2019, chị T trình bày:* Chị tham gia chơi hụi do bà L làm thảo đã mười mấy năm nhưng chị xác định không có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 15/12/2017 (âm lịch) như bà L trình bày mà bà L tự ghi chị tham gia 06 phần và giao tất cả 06 phần hụi này cho chị ngay kỳ đầu tiên. Bà L không giao tiền hụi mà cấn trừ vào tiền nợ hụi chết mà chị còn nợ bà L đối với dây hụi 10.000.000 đồng khui ngày 09/7 (chị không nhớ năm), ½ tháng khui 01 lần. Nhưng khi tính tiền hụi thì chị phát hiện bà L gian lận tiền hụi của chị mỗi kỳ 10.000.000 đồng, tổng

cộng 16 kỳ là 160.000.000 đồng nên xảy ra cự cãi. Khi đó, bà L đồng ý trả lại chị số tiền này nhưng sau đó bà không thừa nhận. Do chị không có chứng cứ nên không khởi kiện bà L trong vụ án này. Chị xác định chữ ký *"T"* trong biên nhận ngày 15/12/2017 mà bà L cung cấp cho Tòa án không phải do chị ký. Nếu bà L chứng minh Đ có giao tiền hụi cho chị thì chị đồng ý trả tiền hụi chết cho bà vì chị tham gia rất nhiều dây hụi do bà L làm thảo nên có thể bà L dùng biên nhận hụi của dây hụi trước đó để làm chứng cứ kiện chị trả tiền hụi chết của dây hụi này.

- *Tại Biên bản hòa giải ngày 07/5/2019, đại diện ủy quyền của chị T là bà T1 trình bày:* Trước đây, chị T có tham gia góp hụi do bà L làm thảo nhưng chồng chị T là anh Mai Quốc T1 trực tiếp giao dịch hụi, đóng hụi và hốt hụi với bà L vì chồng chị không cho chị quản lý tiền. Chị T đã ngưng chơi hụi của bà L từ năm 2017 đến nay do bà L gian lận tiền hụi của chị. Chị T xác định ngày 15/12/2017 (âm lịch) không có tham gia góp hụi và hốt hụi của dây hụi nêu trên như phía nguyên đơn trình bày nên không đồng ý trả số tiền 480.000.000 đồng.

Về 02 tờ giấy tay ghi hụi mà chị T đã giao nộp cho Tòa án gồm:

1. Giấy tay ghi dây hụi 10.000.000 đồng mỗi tháng khui 02 lần nhưng không nhớ mở hụi vào thời điểm nào, dây hụi này chị T đã chơi trước đó đã mãn, hiện chị T không còn nợ mà bà L tính nhầm và chiếm đoạt của chị số tiền 160.000.000 đồng. Do chị không có chứng cứ nên không khởi kiện trong vụ án này.

2. Giấy tay ghi dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 15/12/2017, nhưng chị T xác định không có tham gia dây hụi này mà bà L tự ghi vào sổ hụi là chị có tham gia góp và hốt hụi, rồi tự trừ các khoản nợ khác mà không giao hụi trong khi chị không có nợ bà L. Lý do chị T có tờ giấy hụi này là vào khoảng tháng 4/2018 (âm lịch), vợ chồng bà L và con trai bà L đến nhà chị T để đòi tiền nợ hụi mà chồng chị T là anh Mai Quốc T1 còn nợ trước đó. Sau khi tính hụi, chị T mới biết bà L đã tính nhầm tiền hụi của dây hụi 10.000.000 đồng nêu trên và chiếm đoạt của chị T số tiền 160.000.000 đồng (10.000.000 đồng/phần x 16 kỳ) nên hai bên xảy ra cự cãi, chồng và con bà L cũng thừa nhận sự việc này và bà L vứt bỏ lại sổ hụi ở nhà chị T. Sau khi bà L khởi kiện, chị T xem lại sổ hụi này và phát hiện ra tờ giấy hụi này nên nộp cho Tòa án để chứng minh chị không có tham gia chơi hụi và hốt hụi của dây hụi này.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2019, chị T trình bày:* Chị xác định Tờ biên nhận giao hụi viết tay đề ngày 15/12/2017 (có cấn trừ các khoản nợ) trong quyển sổ hụi của bà L là do bà L viết sẵn ở nhà và đem đến cửa hàng vật liệu xây dựng MPT của chị ở xã Y, huyện G1 để giao cho chị tiền hụi của dây hụi này nhưng chị không nhớ thời điểm bà L đến giao hụi là khi nào. Tuy nhiên, khi đó, do bà L cấn trừ tiền hụi vào nhiều khoản nợ không rõ ràng nên hai bên tiến hành đối chiếu sổ hụi thì chị phát hiện chị đã đóng nhầm tiền hụi chết của dây hụi 10.000.000 đồng khui ngày 09/7/2017, mỗi kỳ là 10.000.000 đồng, tổng cộng 16 kỳ là 160.000.000 đồng nên chị yêu cầu bà L trả lại chị số tiền này nhưng bà L không đồng ý, hai bên xảy ra cự cãi và bà L bỏ về, để quên quyển sổ ghi hụi này tại cửa hàng của chị mà không giao tiền hụi cho chị như bà L trình bày. Chị không biết *"Q"* và *"L"* mà bà L ghi trong biên nhận giao hụi này và chị cũng không có nợ tiền của bà L nên hai bên không có thỏa thuận cấn trừ nợ vào tiền hụi của dây hụi

này. Chị xác định không có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 15/12/2017 do bà L làm thảo và hiện không có nợ tiền bà L.

- *Tại Biên bản hòa giải ngày 23/7/2020, đại diện ủy quyền của chị T là bà T1 trình bày:* Chị T xác định bà L không có giao cho chị T số tiền hụi là 460.800.000 đồng của dây hụi nêu trên như bà L trình bày. Do công việc làm ăn nên chị T ký tên vào nhiều tờ hóa đơn, dù kết quả giám định chữ ký *"T"* trong biên nhận giao hụi ngày 15/12/2017 là chữ ký của chị nhưng chị xác định không có tham gia góp và hốt hụi dây hụi này. Tờ giấy tay ghi việc giao hụi ngày 15/12/2017 và có cấn trừ vào tiền nợ mà chị T cung cấp cho Tòa án nằm trong quyển sổ hụi của bà L do bà L để quên tại cửa hàng vật liệu xây dựng của chị T khi vợ chồng bà L cùng người con trai tên Q đến nhà chị để đòi tiền nợ hụi của dây hụi mà bà L kiện đòi trong vụ án này vào khoảng tháng 4/2018 (âm lịch).

- *Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 01/12/2020, đại diện ủy quyền của chị T trình bày:*

Dây hụi này không có thật và do trước đó hai bên đã cự cãi về việc bà L gian lận tiền hụi chiếm đoạt của chị T số tiền 160.000.000 đồng của dây hụi 10.000.000 đồng nên chị T không có chơi hụi dây hụi này và cũng không có hốt hụi như phía bà L trình bày nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà L. Hơn nữa, nếu chị T có chơi dây hụi này thì việc chủ thảo là bà L cho chị T hốt 01 lần 06 phần hụi như bà L trình bày là không đúng quy định góp hụi. Chị T đề nghị giám định lại chữ ký *"T"* trong biên nhận giao hụi ngày 15/12/2017.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/12/2020, chị T và đại diện ủy quyền của chị T là bà T1 trình bày:*

Chị T không tham gia dây hụi này mà chồng chị là anh T1 trực tiếp tham gia 06 phần hụi của dây hụi này do bà L làm thảo. Do anh T1 giấu chị tham gia hụi và hốt hụi sử dụng riêng nên chị không biết. Việc giao dịch hụi giữa bà L và anh T1 tự hai bên thỏa thuận, chị không biết nhưng chị yêu cầu bà L về Việt Nam và trực tiếp đối chất với chị và anh T1 để làm rõ dây hụi này.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/5/2021, chị T và đại diện ủy quyền của chị T là bà T1 trình bày:*

Chị T xác định chị không tham gia dây hụi này. Chị thừa nhận chữ ký *"T"* trong Biên nhận giao hụi ngày 15/12/20217 là do chị ký nhưng chị không có nhận số tiền hụi là 460.800.000 đồng như phía bà L trình bày. Nếu chị có ký nhận tiền thì phía trên chị phải ghi dòng chữ *"Tôi có nhận của bà L số tiền hụi là 460.800.000 đồng"* trước khi ký tên ở phía dưới tờ biên nhận. Do chị kinh doanh vật liệu xây dựng và ký tên vào nhiều tờ hóa đơn nên có thể bà L tự ghi khống biên nhận giao hụi này. Hơn nữa nếu chị có viết thì viết ở mặt trước tờ hóa đơn chứ không viết ở mặt sau của tờ hóa đơn như biên nhận mà bà L cung cấp. Chị không yêu cầu giám định lại chữ ký *"T"* trong biên nhận này. Do chồng chị tham gia góp dây hụi này nên giữa bà L và anh T1 tự thỏa thuận, chị không đồng ý trả tiền hụi theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Quốc T1 trình bày:***

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2019, biên bản hòa giải ngày 23/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 01/12/2020, anh T1 và đại diện ủy quyền của anh T1 là bà T1 thống nhất trình bày:*

Anh T1 là chồng chị T, vợ chồng anh T1 cùng kinh doanh chung cửa hàng vật liệu xây dựng nhưng do tính chị T hay bất cẩn nên anh không cho chị T quản lý tiền. Trước đây, chị T có tham gia hụi do bà L làm thảo nhưng anh T1 là người trực tiếp đi đóng hụi. Đối với dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 15/12/2017 (âm lịch), anh không biết chị T có tham gia hay không.

*- Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/12/2020 và ngày 17/5/2021, anh T1 và đại diện ủy quyền của anh T1 là bà T1 thống nhất trình bày:*

Anh xác định anh là người chơi hụi và hốt dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 15/12/2017 (âm lịch) do bà L làm chủ thảo. Trước đây, chị T có chơi hụi của bà L nhưng từ năm 2017 hai bên xảy ra cự cãi việc bà L gian lận số tiền hụi mà anh đóng dư là 160.000.000 đồng nên đã ngưng chơi hụi của bà L. Sau đó, anh đã giấu chị T tham gia 06 phần hụi của dây hụi này và hốt hụi với mục đích mua xe hơi và sử dụng nguồn tiền do nuôi tôm riêng để đóng lại hụi chết cho bà L. Tuy nhiên, bà L chỉ giao hụi cho anh với số tiền 210.007.800 đồng vào ngày 22/02/2018 (tức là ngày 07/01/2018 âm lịch) bằng hình thức chuyển tiền 08 lần vào tài khoản của anh mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Phòng giao dịch GC, Tiền Giang nên anh không đủ tiền mua xe và sau khi hốt hụi thì anh chỉ đóng lại 03 kỳ hụi chết với số tiền 90.000.000 đồng rồi ngưng. Anh đóng hụi cho bà L cũng bằng hình thức chuyển khoản lại cho bà L và yêu cầu bà L ký tên nhận tiền hụi chết vào tờ giấy hụi và đưa cho anh giữ, anh đã cung cấp tại phiên tòa ngày 07/12/2020. Nay anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L vì hiện bà L còn nợ lại anh số tiền 40.000.000 đồng, sau khi trừ tiền hốt hụi là 210.007.800 đồng vào tiền hụi chết đã đóng 03 kỳ là 90.000.000 đồng và số tiền 160.000.000 đồng mà anh đóng hụi còn dư (đóng nhầm tiền hụi của dây hụi 10.000.000 đồng nêu trên là 160.000.000 đồng) và anh yêu cầu bà L trả lại anh số tiền này.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng ông Lê Văn C trình bày:***

Ông là chồng bà L, trước đây bà L làm thảo hụi thì ông biết chị T có tham gia 6 phần hụi của dây hụi nêu trên và hốt hụi với số tiền 460.800.000 đồng ngay khi mở hụi vào ngày 15/12/2017 (âm lịch). Do ông chở bà L đi giao tiền hụi cho chị T và chứng kiến sự việc bà L có giao đủ số tiền hụi này cho chị T tại cửa hàng vật liệu xây dựng MPT của chị T ngụ xã Y, huyện G1. Khi đó, chị T lấy hóa đơn của cửa hàng đưa cho bà L viết nội dung giao hụi và chị T ký tên nhận tiền hụi. Ông xác định khi giao hụi vào ngày 15/12/2017 (âm lịch) tại nhà chị T, hai bên không thỏa thuận cấn trừ tiền nợ vào tiền hụi của dây hụi này mà giao đủ tiền mặt cho chị T. Khi đó, chỉ có 02 vợ chồng ông và chị T đồng thời không có việc cự cãi hay bỏ quên sổ hụi như chị T trình bày. Ông không biết việc chị T đóng nhầm tiền hụi 160.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, do chị T không đóng hụi chết của dây hụi này, vợ chồng ông có nhiều lần đến gặp chị T đòi nợ nhưng chị T vẫn không trả nên bà L khởi kiện. Do bà L làm hụi riêng nên ông không có yêu cầu gì mà để bà L quyết định việc khởi kiện đòi tiền nợ hụi đối với vợ chồng chị T.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng anh Lê Trần Minh Q trình bày:***

Anh là con trai bà L, khoảng giữa năm 2018, anh có đi cùng mẹ anh đến nhà chị T để đòi tiền nợ hụi của dây hụi này nhưng chị T không trả. Trước đó, cha mẹ anh nhiều

lần đến nhà chị T đòi tiền hụi chết của dây hụi này. Anh không biết việc thỏa thuận giao dịch hụi giữa hai bên nên anh không biết việc chị T đóng nhầm tiền hụi cho mẹ anh và cũng không biết việc mẹ anh có bỏ quên sổ hụi tại cửa hàng chị T hay không.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/9/2020, người làm chứng anh Phạm Nguyễn H trình bày:***

Khoảng năm 2018, anh có đi cùng một người bạn tên T2 và con trai bà L (anh không rõ họ tên) đến nhà chị T. Khi đến nhà chị T, anh chỉ đứng ở ngoài và nghe hai bên cự cãi rồi sau đó ra về chứ anh không biết chuyện tiền bạc giữa hai bên.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau:***

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Cphủ về họ, hụi, biêu, phường xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc L, buộc chị Trần Thị T và anh Mai Quốc T1 cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ hụi là 480.000.000 đồng, thời gian trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Chị T có trách nhiệm hoàn lại cho bà L chi phí giám định là 4.900.000 đồng. Bà L có nghĩa vụ hoàn lại cho chị T chi phí giám định là 1.900.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Đ thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"* cần Đ xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Người làm chứng anh Phạm Nguyễn H xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Ngọc L về việc yêu cầu chị Trần Thị T và anh Mai Quốc T1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 480.000.000 đồng là tổng số tiền hụi (hụi chết) mà bà L đã đóng thay tính từ kỳ thứ 5 (ngày 15/02/2018 (âm lịch)) cho đến khi mãn hụi (ngày 30/9/2018 (âm lịch)) của dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 15/12/2017 (âm lịch). Nhận thấy:

Phía bị đơn chị T xác định chị không tham gia dây hụi này và cũng không hốt hụi với số tiền 460.800.000 đồng như phía bà L trình bày mà bà L tự ghi vào sổ hụi chị có tham gia 06 phần hụi và tự trừ tiền nợ vào số tiền hốt hụi mà không giao hụi cho chị. Chồng chị T là anh T1 lại thừa nhận anh là người trực tiếp tham gia dây hụi này và hốt 06 phần hụi ngay kỳ đầu tiên vào ngày 15/12/2017 (âm lịch) với số tiền 210.007.800 đồng, sau khi hốt hụi anh có đóng lại 03 kỳ hụi chết với tổng số tiền 90.000.000 đồng rồi ngưng do bà L không giao đủ tiền hụi như thỏa thuận, vợ anh là chị T không có tham gia

dây hụi này. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Danh sách hụi viên, biên nhận giao hụi ngày 15/12/2017 có chữ ký của bà L ở mục Người giao và có chữ ký của chị T ở mục Người nhận cùng lời khai của các hụi viên cùng tham gia dây hụi này và Giấy biên nhận (giấy tay) đóng 3 kỳ hụi chết có chữ ký của bà L do anh T1 - chồng chị T cung cấp là hoàn toàn phù hợp với lời khai của phía nguyên đơn. Chứng cứ này cho thấy người trực tiếp tham gia dây hụi này và hốt 06 phần hụi vào ngày 15/12/2017 (âm lịch) với số tiền 460.800.000 đồng là chị T. Việc chị T cho rằng bà L sử dụng chữ ký có sẵn của chị để tự tạo ra biên nhận giao hụi ngày 15/12/2017 nhưng chị không có chứng cứ chứng minh; hơn nữa, căn cứ vào Kết luận giám định số 1304/C09B ngày 23/4/2020 và Công văn số 345/C09B ngày 22/4/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an (C09B) xác định Đ chữ ký *"T"* trong biên nhận này là của chị nên lời trình bày này của chị là không có cơ sở chấp nhận.

Việc anh T1 cho rằng anh là người tham gia dây hụi này nhưng không Đ chủ thảo là bà L thừa nhận và anh cũng không có chứng cứ chứng minh. Vì tờ giấy biên nhận đóng 03 kỳ hụi chết mà anh cung cấp không chứng minh Đ anh là người tham gia dây hụi này dù theo sự thừa nhận của phía nguyên đơn thì anh là người trực tiếp đóng lại 03 kỳ hụi chết của dây hụi này; đồng thời qua xác minh thì thực tế ngày 22/02/2018 bà L có chuyển tiền 08 lần tổng cộng 210.007.800 đồng vào tài khoản số 070041376722 của anh T1 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (hình thức chuyển khoản qua thẻ ATM) nhưng cũng không chứng minh Đ đây là số tiền mà bà L giao hụi cho anh. Hơn nữa, việc anh xác định đã đóng hụi chết cho bà L (đóng hụi chết lần đầu vào kỳ hụi thứ 2 tức là ngày 30/01/2017 (âm lịch)) trước khi bà L giao hụi cho anh (đóng hụi chết trước khi hốt hụi) là không phù hợp. Do đó, việc anh trực tiếp tham gia dây hụi này và hốt hụi mà không phải chị T như anh trình bày trên là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với biên nhận giao hụi ngày 15/12/2017 (Đ ghi trong quyển sổ hụi) có nội dung khấu trừ tiền nợ vào số tiền hốt 06 phần hụi của dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 15/12/2017 do chị T cung cấp không chứng minh Đ việc bà L và chị T có thỏa thuận khấu trừ tiền nợ vào tiền hốt hụi của dây hụi này mà không giao tiền hụi như chị T trình bày, bởi lẽ chị T xác định tại thời điểm giao hụi này thì chị không có nợ khoản tiền nào của bà L nên không có việc khấu trừ nợ vào tiền hốt hụi của dây hụi này như nội dung thể hiện trong biên nhận này. Do đó việc chị T cung cấp biên nhận này để chứng minh chị không có tham gia dây hụi này và không có hốt 06 phần hụi với số tiền 460.800.000 đồng là không có cơ sở.

Từ những tình T trên, cho thấy chị T có tham gia dây hụi này và đã hốt 06 phần hụi ngay kỳ thứ nhất với số tiền 460.800.000 đồng vào ngày 15/12/2017 (âm lịch) như phía bà L trình bày. Đối chiếu quy định về quyền của chủ thảo tại khoản 3 Điều 28 và quy định về nghĩa vụ của hụi viên tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Cphủ quy định về họ, hụi, biêu, phường thì sau khi hốt hụi chị T phải góp lại đầy đủ các phần hụi cho đến khi mãn (tức là phải đóng lại hụi chết cho đến khi mãn hụi). Tuy nhiên, sau khi hốt hụi thì chị T chỉ đóng lại Đ 03 kỳ hụi chết ở kỳ thứ 2 vào ngày 30/12/2017 (âm lịch), kỳ thứ 3 vào ngày 15/01/2018 (âm lịch) và kỳ thứ 4 vào ngày 30/01/2018 (âm lịch), tổng cộng là 90.000.000 đồng rồi ngưng nên bà L phải

đóng hụi thay cho chị T đối với 06 phần hụi của dây hụi này từ kỳ thứ 5 (tức là ngày 15/02/2018 (âm lịch)) cho đến khi mãn hụi vào ngày 30/9/2018 (âm lịch) tổng cộng là 16 kỳ với số tiền 480.000.000 đồng. Như vậy chị T đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên là không góp lại hụi đầy đủ sau khi hốt hụi và bà L đã góp thay nên chị T phải có trách nhiệm hoàn lại bà L số tiền này. Do đó việc bà L kiện đòi nợ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định tại khoản 3 Điều 28, khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Cphủ quy định về họ, hụi, biêu, phường nên được chấp nhận.

Dù người trực tiếp tham gia góp hụi và hốt dây hụi này là chị T nhưng anh T1 - chồng chị là người trực tiếp đóng lại 03 kỳ hụi chết cho bà L sau khi chị T hốt hụi và anh là người cung cấp cho Tòa án tờ giấy tay ghi hụi xác nhận đã đóng 03 kỳ hụi chết của dây hụi này. Cho thấy anh T1 cũng biết việc chị T có tham gia dây hụi này; hơn nữa anh T1 xác định vợ chồng anh cùng kinh doanh chung và người quản lý tiền là anh cũng như các lần đi đóng hụi cho bà L đều do anh trực tiếp đóng nên anh T1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị T trả cho bà L số tiền nợ hụi này theo quy định tại khoản 2 Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 280, 288 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tiền lãi: Do bà L không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét.

Về thời hạn trả: Do phía chị T đã vi phạm nghĩa vụ góp hụi nên cần buộc chị và anh T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà L toàn bộ số tiền nợ hụi 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi của chủ thảo cũng như phù hợp quy định pháp luật.

Đối với việc anh T1 xác định bà L hiện còn nợ anh số tiền 40.000.000 đồng và yêu cầu trả vì anh cho rằng sau khi trừ tiền hốt hụi của dây hụi này là 210.007.800 đồng vào tiền đóng hụi chết là 90.000.000 đồng và tiền hụi mà anh đã đóng nhầm cho bà L của dây hụi 10.000.000 đồng trước đó là 160.000.000 đồng nhưng anh không khởi kiện trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không có thẩm quyền xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

Về chi phí giám định:

- Đối với chi phí giám định chữ ký *"T"* trong biên nhận giao hụi ngày 15/12/2017 là 4.900.000 đồng, do phía chị T không thừa nhận chữ ký trong Biên nhận nhưng theo Kết luận giám định số 1304/C09B ngày 23/4/2020 và Công văn số 345/C09B ngày 22/4/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an (C09B) thì đây là chữ ký của chị nên chị phải chịu toàn bộ chi phí giám định nêu trên theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà L đã thanh toán toàn bộ chi phí này nên chị T phải có trách nhiệm hoàn lại cho bà L.

- Đối với chi phí giám định chữ viết của bà L trong Biên nhận giao hụi ngày 15/12/2017 ghi việc khấu trừ nợ vào tiền hốt hụi (Đ ghi trong quyển sổ hụi) là 1.900.000 đồng, do phía bà L không xác định được chữ viết của bà L nên chị T yêu cầu giám định và theo Kết luận giám định số 4341/C09B ngày 23/10/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an (C09B) thì đây là chữ viết của bà L nên bà L

phải chịu toàn bộ chi phí giám định nêu trên theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, chị T đã thanh toán toàn bộ chi phí này nên bà L phải có trách nhiệm hoàn lại cho chị T.

[4] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí với số tiền là 23.396.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn có trách nhiệm hoàn lại bị đơn chi phí giám định nên phải nộp án phí là 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Các Điều 280, 288, 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*- Khoản 2 Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*- Điều 24, khoản 3 Điều 28 và khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Cphủ về họ, hụi, biêu, phường;*

*- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc L. Buộc chị Trần Thị T và anh Mai Quốc T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ hụi là **480.000.000 đồng** *(Bốn trăm tám mươi triệu đồng).*

- Về chi phí giám định:

+ Bà L có nghĩa vụ hoàn lại chị T chi phí giám định là **1.900.000 đồng** *(Một triệu chín trăm nghìn đồng)*.

+ Chị T và anh T1 có nghĩa vụ liên đới hoàn lại bà L chi phí giám định là **4.900.000 đồng** *(Bốn triệu chín trăm nghìn đồng)*.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người Đ thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Về án phí:

- Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số

46101 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên hoàn lại bà số tiền 11.700.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Chị T và anh T1 phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 23.396.000 đồng *(Hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng).*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
*- VKSND H. GCĐ;*
*- CC.THADS H. GCĐ;*
*- Đương sự;*
*- Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bích Thiền**